TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 5 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 5
PHIẾU SỐ 19

Thời gian làm bài: 40 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 77,4 …… 77,41

A. > **B.** < **C.** =

Câu 2. Làm tròn số 56,522 đến hàng phần trăm ta được:

A. 56,522 **B.** 56,54 **C.** 56,52 **D.** 56,53

Câu 3. Kết quả của phép tính 15/8 : 7/9 (viết dưới dạng phân số tối giản) là:

A. 135/56 **B.** 35/24 **C.** 105/17 **D.** 135/28

Câu 4. Một sợi dây dài 19,33 m, sợi dây thứ hai dài hơn sợi dây thứ nhất 15,1 m. Cả hai sợi dây dài:

A. 53,76 m **B.** 23,56 m **C.** 53,66 m **D.** 34,43 m

Câu 5. Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài 400 m, chiều rộng 200 m. Diện tích khu đất là:

A. 80 000 ha **B.** 80 ha **C.** 8 ha **D.** 800 ha

Câu 6. Hình tròn có bán kính 6 cm. Diện tích hình tròn là:

A. 113,04 cm² **B.** 18,84 cm² **C.** 37,68 cm² **D.** 452,16 cm²

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 36,71 …… 36,7

b) 1,9 …… 1,90

c) 3 tấn 5 kg …… 3,05 tấn

d) 6 ha …… 6000 m²

Bài 2. Viết số thập phân thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 48 đơn vị, 2 phần mười, 6 phần trăm, 5 phần nghìn viết là: ……

b) Phân số 7/50 viết dưới dạng số thập phân: ……

c) Hỗn số 3 43/100 viết dưới dạng số thập phân: ……

Bài 3. Tìm x:

a) x + 2,99 = 10,49; x = ……

b) x × 2,5 = 19,5; x = ……

c) 88,4 − x = 71,94; x = ……

Bài 4. Viết số thập phân (hoặc số) thích hợp vào chỗ chấm:

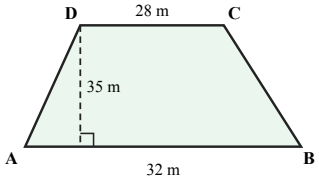
a) 4 m 5 cm = …… m

b) 8 kg 60 g = …… kg

c) 5 ha = …… m²

d) 1400 m² = …… ha

Bài 5. Một thửa ruộng hình thang ABCD có đáy lớn AB = 32 m, đáy bé DC = 28 m, chiều cao 35 m (như hình). Trung bình cứ 1 m² thu hoạch được 1,2 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?



a) Diện tích thửa ruộng: …… m²

b) Số thóc thu hoạch được: …… kg

Bài 6. Một tổ may cắt 6 chiếc áo, mỗi chiếc dùng hết 4,8 m vải. Giá mỗi mét vải là 80 000 đồng. Hỏi tổ đó đã dùng hết bao nhiêu mét vải và phải trả bao nhiêu tiền?

a) Số mét vải đã dùng: …… m

b) Số tiền phải trả: …… đồng

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 5 · Phiếu số 19

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	C	A	A	C	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 36,71 > 36,7

b) 1,9 = 1,90

c) 3 tấn 5 kg < 3,05 tấn

d) 6 ha > 6000 m²

Bài 2.

a) 48,265

b) 7/50 = 14/100 = 0,14

c) 3,43

Bài 3.

a) x = 10,49 − 2,99 = 7,5

b) x = 19,5 : 2,5 = 7,8

c) x = 88,4 − 71,94 = 16,46

Bài 4.

a) 4,05

b) 8,06

c) 50 000

d) 0,14

Bài 5.

Diện tích: (32 + 28) × 35 : 2 = 1050 (m²)

Số thóc: 1050 × 1,2 = 1260 (kg)

Bài 6.

Số vải: 4,8 × 6 = 28,8 (m)

Số tiền: 80 000 × 28,8 = 2 304 000 (đồng)